

TRÍCH MỘT SỐ NỘI DUNG THAY ĐỔI GIỮA 2 BẢN ĐIỀU LỆ

ĐIỀU LỆ CÔNG TY MỚI	ĐIỀU LỆ CÔNG TY CŨ
1. Bổ sung thuật ngữ “sở giao dịch chứng khoán”	
Điểm o khoản 1 Điều 1 quy định: Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Trước đây không quy định
2. Bỏ quy định công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua	
Điều 5 không còn nội dung này	Khoản 2 Điều 5 quy định: Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Thay đổi khái niệm cổ phiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020	
Khoản 2 Điều 7 quy định: Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	Khoản 2 Điều 7 quy định: Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
4. Quy định thêm một số quyền của cổ đông phổ thông	
Khoản 1 Điều 12 quy định thêm một số quyền hạn cho cổ đông phổ thông như: “i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông,	Trước đây không quy định

Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;”	
5. Sửa đổi điều kiện thực hiện quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.	
Khoản 2 Điều 12 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau... <i>(bỏ qui định nắm giữ liên tục 6 tháng)</i>	Khoản 3 Điều 12 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau...
6. Thay đổi một số quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên	
Khoản 2 Điều 12: Khoản 3 Điều 12: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ... <i>(bỏ qui định nắm giữ liên tục 6 tháng)</i> - Thêm quy định: Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Khoản 3 Điều 12 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát...
7. Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty	
Khoản 2 Điều 13 quy định không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và	Trước đây không quy định

nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	
8. Được gia hạn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	
Khoản 1 Điều 14 quy định: Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trước đây không quy định.
9. Bãi bỏ một số trường hợp phải triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường	
Bãi bỏ những quy định này	<p>Khoản 3 Điều 14 quy định một số trường hợp phải triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; - Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
10. Quy định về điều kiện thay đổi các quyền của cổ đông	
<p>Khoản 1 Điều 17 quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành 	<p>Khoản 1 Điều 17 quy định:</p> <p>Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p>

<p>hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	
<p>11. Thay đổi thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ</p>	
<p>Khoản 3 Điều 18 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. <i>(tại Điều 143, Luật DN năm 2020 = 21 ngày)</i></p>	<p>Khoản 3 Điều 18 quy định thời gian chậm nhất để gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ là 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. <i>(tại Điều 139, Luật DN năm 2014 là 10 ngày)</i></p>
<p>12. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ</p>	
<p>Khoản 1 Điều 19 quy định: cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	<p>Khoản 1 Điều 19 quy định: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</p>
<p>13. Điều kiện thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ</p>	
<p><i>Khoản 1 Điều 21 quy định:</i> Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ- Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p><i>Khoản 2 Điều 21:</i> Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán</p>	<p>Khoản 1 Điều 21 quy định: Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Thông tư này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính năm; - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty; - Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

<p>thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	
<p>14. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	
<p>Khoản 8 Điều 22 quy định: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 9 Điều 22 quy định: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
<p>15. Biên bản họp ĐHCĐ vẫn có hiệu lực nếu chủ tọa và thư ký không ký</p>	
<p>Điểm i khoản 1 Điều 23 quy định: Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>Điểm i khoản 1 Điều 23 quy định: Biên bản họp ĐHCĐ phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>
<p>16. Quyền ứng cử người vào HĐQT</p>	
<p>Khoản 2 Điều 25 quy định: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Số lượng đề cử qui định cụ thể như sau: từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên. <i>(bỏ qui định nắm giữ liên tục 6 tháng)</i></p>	<p>Khoản 2 Điều 25 quy định: - Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên...</p>
<p>17. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị đối với công ty niêm yết</p>	

<p>Khoản 3 Điều 26 quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị; - Có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. 	<p>Khoản 2 Điều 26 quy định: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Chưa qui định thành viên không điều hành</p>
--	--

18. trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng / không chủ trì cuộc họp của HĐQT

<p>Khoản 5 Điều 29 quy định: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Trước đây không quy định</p>
--	---------------------------------

19. Thời gian thông báo họp Hội đồng quản trị

<p>Khoản 6 Điều 30 quy định: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p>	<p>Khoản 7 Điều 30 quy định: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp.</p>
--	--

20. Không quy định nhiệm kỳ người phụ trách quản trị công ty

<p>Khoản 1 Điều 32 quy định: Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 1 Điều 32 quy định: Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một 01 người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm 05 năm.</p>
<p>21. Tiền lương của người điều hành công ty</p>	
<p>Khoản 4 Điều 34 quy định: Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Trước đây không quy định</p>
<p>22. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng đại học tốt nghiệp chuyên ngành</p>	
<p>Khoản 1 Điều 38 quy định: Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p>	<p>Trước đây không quy định</p>
<p>23. Quy định thêm một số quyền hạn cho Ban kiểm soát</p>	
<p>Điều 39 quy định thêm một số quyền hạn cho Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. 	<p>Trước đây không quy định</p>

<p>- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	
<p>24. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu danh sách CĐ và một số hồ sơ</p>	
<p>Khoản 1 Điều 44 quy định cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ: Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 1 Điều 42 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>
<p>25. Bãi bỏ thời hạn Công ty kiểm toán độc lập trình báo cáo cho công HĐQT</p>	
<p>Bãi bỏ quy định này</p>	<p>Khoản 2 Điều 50 quy định: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p>